

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY LUẬT TNHH ...

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật số 20/2012/QH13 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Luật sư ngày 20/11/2012;

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1: HÌNH THỨC

CÔNG TY LUẬT TNHH ... (dưới đây gọi tắt là Công ty) thuộc loại hình Công ty TNHH một thành viên, thuộc sở hữu của cá nhân: ông ... làm chủ sở hữu.

Công ty được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, thực hiện các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Công ty có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động, có con dấu riêng, có tài khoản bằng tiền Việt Nam và ngoại tệ.

Chủ sở hữu Công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty.

ĐIỀU 2: TÊN GỌI, TRỤ SỞ CHÍNH, CHI NHÁNH CỦA CÔNG TY

2.1 Tên Công ty:

Tên công ty tiếng Việt: **CÔNG TY LUẬT TNHH ...**

Tên giao dịch: ...

2.2 Trụ sở công ty:

Điện thoại: ... Fax:...

Email: Website:...

2.3 Công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài khi có nhu cầu và phải tuân theo các quy định của pháp luật.

2.4 Công ty có thể thành lập liên doanh với các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài khi được sự nhất trí bằng văn bản của Chủ sở hữu Công ty và được sự chấp thuận của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

ĐIỀU 3: LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

- Tư vấn pháp luật;
- Tham gia tố tụng;

– Đại diện ngoài tổ tụng;

– Dịch vụ pháp lý khác;

Khi cần thiết Chủ sở hữu công ty quyết định việc chuyển hay mở rộng các lĩnh vực hoạt động của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

ĐIỀU 4: CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY

Họ và tên: ... Giới tính: Nam Ngày sinh:

Chứng minh nhân dân số : ...

Ngày cấp: ... Nơi cấp: Công an tỉnh Hưng Yên

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ..., tỉnh Hưng Yên

Chỗ ở hiện nay: ..., thành phố Hà Nội

ĐIỀU 5: VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VIỆC TĂNG GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ

5.1 Vốn điều lệ:

– Vốn điều lệ: **300.000.000** đồng (*Ba trăm triệu đồng Việt Nam*)

– Vốn bằng tiền mặt: **300.000.000** đồng (*Ba trăm triệu đồng Việt Nam*)

– Vốn bằng tài sản: Không có

– Vốn khác: Không có

5.2 Tăng giảm vốn điều lệ:

a. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tăng vốn điều lệ thông qua việc chủ sở hữu công ty góp thêm vốn hoặc huy động thêm vốn góp của người khác. Chủ sở hữu công ty quyết định hình thức tăng và mức tăng vốn điều lệ.

b. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên giảm vốn điều lệ trong trường hợp hoàn trả một phần vốn góp cho chủ sở hữu công ty nếu công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục từ 02 năm trở lên kể từ ngày đăng ký thành lập doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả phần vốn góp cho chủ sở hữu công ty;

ĐIỀU 6: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY

6.1. Chủ sở hữu công ty có các quyền sau đây:

a) Quyết định nội dung Điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

b) Quyết định đầu tư, kinh doanh và quản trị nội bộ doanh nghiệp;

c) Chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác;

d) Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty;

đ) Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty;

e) Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty sau khi công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản;

g) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ công

ty.

Ngoài ra, hạn chế đối với quyền của chủ sở hữu Công ty như sau:

– Chủ sở hữu công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn đã góp ra khỏi công ty dưới hình thức khác thì chủ sở hữu sẽ liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty.

Trường hợp chuyển nhượng một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác, công ty sẽ đăng ký chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày chuyển nhượng.

– Chủ sở hữu công ty sẽ không rút lợi nhuận khi công ty chưa thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

6.2 Nghĩa vụ của Chủ sở hữu:

a. Góp vốn đầy đủ và đúng hạn như đã cam kết; trường hợp không góp đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết thì phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty.

b. Tuân thủ Điều lệ công ty.

c. Tách biệt các chi tiêu của cá nhân và gia đình mình với các chi tiêu trên cương vị là Chủ tịch công ty và Giám đốc.

d. Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa công ty và chủ sở hữu công ty.

e. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG II: TỔ CHỨC – QUẢN LÝ – HOẠT ĐỘNG

ĐIỀU 7: QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

7.1 Công ty có các quyền sau:

1. Tự chủ kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư; chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh; được Nhà nước khuyến khích, ưu đãi và tạo điều kiện thuận lợi tham gia cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

2. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.

3. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.

4. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh.

5. Chủ động ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.

6. Tự chủ quyết định các công việc kinh doanh và quan hệ nội bộ.

7. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp.

8. Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định.

9. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.
10. Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.
11. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

7.2 Công ty có các nghĩa vụ sau:

1. Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành, nghề đã ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động;
2. Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán.
3. Đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
4. Bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm.
5. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hoá, dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố.
6. Thực hiện chế độ thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê; định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp, tình hình tài chính của doanh nghiệp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo mẫu quy định; khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.
7. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh.
8. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 8: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ – NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

1. Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên là cá nhân có Giám đốc. Chủ sở hữu công ty đồng thời là Giám đốc Công ty.
 2. Quyền, nghĩa vụ, nhiệm vụ cụ thể của Giám đốc được quy định tại Điều lệ công ty.
 3. Người đại diện theo pháp luật của công ty là: Giám đốc Công ty
- Người đại diện theo pháp luật của công ty phải thường trú tại Việt Nam; nếu vắng mặt quá ba mươi ngày ở Việt Nam thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty.

ĐIỀU 9: CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY

1. Chủ sở hữu công ty tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty; có quyền nhân danh công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu công ty về việc thực hiện các quyền và

nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật luật sư và pháp luật có liên quan.

2. Quyết định của Chủ sở hữu công ty về thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty có giá trị pháp lý kể từ ngày được chủ sở hữu công ty phê duyệt.

ĐIỀU 10: GIÁM ĐỐC CÔNG TY

1. Giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật luật sư;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế tương ứng trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty hoặc tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định tại Điều lệ công ty.

Giám đốc Công ty là người điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu Công ty về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Giám đốc Công ty có quyền sau:

- a) Tổ chức thực hiện quyết định của Chủ sở hữu công ty;
- b) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
- d) Ban hành quy chế quản lý nội bộ công ty;
- đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, như: Phó Giám đốc, trưởng Phòng, phó Phòng phụ trách chuyên môn và một số chức danh khác do Chủ sở hữu Công ty chỉ định tùy từng thời kỳ, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Chủ sở hữu công ty;
- e) Ký kết hợp đồng nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ sở hữu công ty;
- g) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức công ty;
- h) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Chủ sở hữu công ty;
- i) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- k) Tuyển dụng lao động;
- l) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ công ty.

ĐIỀU 11: NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY, GIÁM ĐỐC CÔNG TY

1. Chủ sở hữu công ty, Giám đốc Công ty có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của chủ sở hữu công ty trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
- b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và chủ sở hữu công ty;
- c) Trung thành với lợi ích của công ty và chủ sở hữu công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của

công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật luật sư và các quy định tại Điều lệ này.

2. Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi công ty không có khả năng thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

ĐIỀU 12: BỘ MÁY GIÚP VIỆC

1 Giúp việc Giám đốc có các Phó giám đốc. Phó giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công của Giám đốc và chịu trách nhiệm trước giám đốc Công ty, Chủ sở hữu Công ty, và pháp luật về nhiệm vụ được giao thực hiện .

2 Kế toán trưởng Công ty giúp Giám đốc chỉ đạo tổ chức, thực hiện công tác kế toán, thống kê của Công ty. Quyền hạn và trách nhiệm của Kế toán trưởng tuân theo quy định pháp luật.

ĐIỀU 13: QUẢN LÝ LAO ĐỘNG

1. Người lao động được tuyển dụng vào làm việc tại Công ty theo chế độ Hợp đồng lao động, được hưởng các quyền và có các nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật lao động của nước CHXHCN Việt Nam, Nội quy lao động và Quy chế lương thưởng của Công ty.

2. Giám đốc Công ty là người quyết định tuyển dụng lao động, trên cơ sở người lao động có trình độ học vấn và trình độ chuyên môn phù hợp với công việc và theo quy chế do Chủ sở hữu Công ty ban hành.

CHƯƠNG III : TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

ĐIỀU 14: NĂM TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Riêng năm tài chính đầu tiên được tính từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 năm đó.

2. Công ty thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản, chế độ chứng từ theo quy định của pháp luật kế toán, thống kê và các hướng dẫn của Bộ tài chính.

3. Việc thu chi tài chính của Công ty được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

4. Trong vòng 90 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính, Công ty nộp các báo cáo tài chính theo quy định pháp luật

ĐIỀU 15: THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

1. Người quản lý công ty được hưởng thù lao hoặc lương và lợi ích khác theo kết quả

và hiệu quả kinh doanh của công ty.

2. Chủ sở hữu công ty quyết định mức thù lao, lương và lợi ích khác của người quản lý công ty. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý công ty được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

ĐIỀU 16: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN CỦA CÔNG TY VÀ XỬ LÝ LỖ TRONG KINH DOANH

Hàng năm, sau khi thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các Quỹ sau đây:

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5%

Quỹ phát triển kinh doanh: 5%

Quỹ khen thưởng phúc lợi : 5%

Các quỹ khác theo quy định của pháp luật. *(Các quỹ khác sẽ do Chủ sở hữu Công ty quyết định tùy thuộc vào tình hình kinh doanh và phù hợp với các quy định của pháp luật.)*

Chủ sở hữu của Công ty chỉ được rút lợi nhuận của Công ty khi Công ty thanh toán đủ các khoản và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

CHƯƠNG IV : TỔ TỤNG TRANH CHẤP, GIẢI THỂ, THANH LÝ, PHÁ SẢN

ĐIỀU 17: TỔ TỤNG TRANH CHẤP

1. Tranh chấp nội bộ, Công ty có thể giải quyết trên phương thức tự thỏa thuận nội bộ, nếu không giải quyết được sẽ thông qua cơ quan pháp luật có thẩm quyền.
2. Tranh chấp bên ngoài, Công ty có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, thể nhân khi có tổ tụng tranh chấp. Đại diện hợp pháp của Công ty sẽ đại diện cho Công ty trước pháp luật.

ĐIỀU 18: GIẢI THỂ CÔNG TY

Công ty giải thể trong các trường hợp sau:

- Hết thời hạn hoạt động ghi trong Điều lệ này mà không có quyết định gia hạn, hoặc xin gia hạn nhưng không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận;
- Theo quyết định của chủ sở hữu Công ty;
- Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động

ĐIỀU 19: THỦ TỤC GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ TÀI SẢN

1. Chủ sở hữu Công ty thông qua quyết định giải thể với các nội dung chủ yếu:
 - Tên trụ sở Công ty ;
 - Lý do giải thể;

– Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp; thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không vượt quá 06 tháng, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể.

– Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;

– Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể phải được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh, tất cả chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ, và lợi ích liên quan, người lao động trong Công ty. Quyết định này phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính của Công ty và đăng báo viết hoặc báo điện tử trong 03 số liên tiếp.

Quyết định giải thể phải được gửi cho các chủ nợ kèm theo thông báo về phương án giải quyết nợ. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; Số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; Cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

3. Thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp

a) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

b) Nợ thuế và các khoản nợ khác.

Sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể doanh nghiệp, phần còn lại thuộc về chủ doanh nghiệp tư nhân, các thành viên, cổ đông hoặc chủ sở hữu công ty.

4. Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết nợ của Công ty, người đại diện phải gửi hồ sơ giải thể Công ty đến cơ quan đăng ký hoạt động.

5. Trường hợp Công ty bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động.

Công ty sẽ giải thể trong thời hạn sáu tháng, kể từ ngày bị thu hồi GCN đăng ký hoạt động

ĐIỀU 20: PHÁ SẢN

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo thủ tục của pháp luật về phá sản doanh nghiệp.

CHƯƠNG V: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

ĐIỀU 21: ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Điều lệ này được áp dụng cho **CÔNG TY LUẬT TNHH** Mọi nhân viên trong Công ty có trách nhiệm thi hành nghiêm chỉnh Điều lệ này.

ĐIỀU 22: SỬA ĐỔI BỔ SUNG

Điều lệ này có thể được sửa đổi, bổ sung theo quyết định của chủ sở hữu Công ty.

ĐIỀU 23: HIỆU LỰC

Điều lệ này được lập thành 5 chương, 23 điều và được **CÔNG TY LUẬT TNHH ...** thông qua ngày ... tháng ... năm 2020 có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chủ sở hữu công ty	Người đại diện theo pháp luật
---------------------------	--------------------------------------